TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 34/2018/HNGĐ – ST
Ngày 16/8/2018
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Khắc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: *1. Ông **Vũ Anh Chi***

*2. Bà **Đào Thị Đoan***

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm – *Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan** – *Kiểm sát viên tham gia phiên toà*

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số: 586/2017/TLST - HNGĐ ngày 12/12/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐST - HNGĐ ngày 13/6/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn V**, sinh năm 1945

ĐKHKTT và chỗ ở: Khối X, thôn Đ, xã P.L, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

2- Bị đơn: Bà **Lương Thị G**, sinh năm 1949

ĐKHKTT và chỗ ở: Khối X, thôn Đ, xã P.L, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

3-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Lương P**, sinh năm 1984

ĐKHKTT và chỗ ở: Khối X, thôn Đ, xã P.L, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có mặt.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

❖ Trong đơn ly hôn ngày 01/7/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn V trình bày:

Ông và bà Lương Thị G kết hôn ngày 01/7/1980, trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã P.L, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội. Trước khi kết hôn với bà G, ông đã có một đời vợ và hai đứa con riêng, sau đó vợ ông mất nên ông đi bước nữa với bà G.

Quá trình chung sống, ông và bà G sống hoà thuận, hạnh P trong thời gian dài và đã sinh thêm được một người con chung. Sau khi lo lắng ổn định gia đình cho hai con riêng thì giữa ông và bà G nảy sinh nhiều mâu thuẫn, xích mích do hai bên không còn tin tưởng nhau trong cách sống và sinh hoạt. Bà G nghi ngờ ông có quan hệ ngoài luồng nhưng thực tế là không có, tuổi ông đã cao và tham gia sinh hoạt câu lạc bộ thơ nên hay đi giao lưu nên bà nghe người ngoài và nghi ngờ ông như vậy. Bà G đã xúi giục con trai là Nguyễn Lương P cùng nhau ruồng rẫy, hắt hủi, không quan tâm, chăm sóc gì đến ông cả, cơm không nấu cho ăn, nước thì cất không cho dùng chung, đồ đạc của ông cũng bị mẹ con bà G phá hoại. Bà G và con luôn chửi bới mỗi khi ông gọi điện với lời lẽ xúc phạm nên ông không thể chịu đựng được. Sự việc kéo dài quá nhiều năm đến giờ ông quyết định ly hôn để có cuộc sống thanh thản.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Lương P, sinh ngày 11/7/1984, hiện đã trưởng thành, lấy vợ nhưng vẫn ở chung nhà. Ngoài ra, ông có hai người con riêng là Nguyễn Huy M, sinh năm 1969 và Nguyễn Toàn T, sinh năm 1973, cũng đã lập gia đình, sống riêng. Ông không có đề nghị giải quyết gì về con cái cả.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp, đất ở, đất nông nghiệp: Ông không đề nghị giải quyết.

❖ Tại các bản tự khai ngày 25/01/2018, 26/01/2018 và các biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2018, 18/4/2018 (đối với các biên bản lấy lời khai, bà Lương Thị G không ký vào biên bản), bị đơn là bà Lương Thị G trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Bà xác nhận kết hôn với ông Nguyễn V vào năm 1980 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới thì vợ chồng về chung sống tại thôn Đ, xã P.L, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận đến năm 2012 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì ông V đi ra ngoài thường sống buông thả, mang tai tiếng với những phụ nữ khác, làm mất danh dự gia đình. Trong một lần mâu thuẫn ông V

đã nói "Tôi và bà là hai thái cực không hợp nhau", từ đó đến nay bà và ông V sống ly thân. Bà cũng xác định vợ chồng khó có thể chung sống nhưng bà không đồng ý ly hôn do còn vướng mắc về tài sản, nếu ông V chia tài sản cho mẹ con bà thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông V có một con chung là Nguyễn Lương P, sinh năm 1984. Anh P đã lấy vợ và sống chung với ông bà. Ngoài ra, ông V còn có hai con riêng là Nguyễn Huy M, sinh năm 1969 và Nguyễn Toàn T, sinh năm 1973. Ly hôn, bà muốn sống cùng với anh P để bù đắp cho công sức đóng góp của anh P bao năm qua với gia đình.

Về tài sản, đất ở: bà G trình bày, vợ chồng bà hiện nay có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn Đông, xã P.L, diện tích mảnh đất là 109m^2 và một căn nhà 2 tầng được xây, hoàn thiện năm 2013 có diện tích 60m^2/sàn.

Năm 2016 ông bà có bán mảnh ruộng được 200 triệu đồng, ông V đã đưa cho bà 50 triệu đồng. Nay ông V đơn phương ly hôn thì bà yêu cầu ông V có trách nhiệm trả lại cho bà 50 triệu đồng còn lại trong số 200 triệu đồng.

Ngoài ra, bà G còn cho rằng anh P đã có gia đình, đã được lập di chúc hưởng số tài sản của vợ chồng bà đã có. Anh P đã có công sức rất nhiều trong việc xây dựng, hoàn thiện ngôi nhà trong lúc gia đình túng thiếu. Bà yêu cầu ông V cùng bà bù đắp kinh tế cho anh P có nơi sinh sống và lao động sản xuất. Nguyện vọng của bà là xin được sang tên quyền sử dụng đất cho anh P. Năm 2011 khi làm nhà ở Bắc Gia, anh P đã góp số tiền mua vách kính và công thợ là 5 triệu đồng, nay bà cũng muốn cùng ông V trả cho anh P.

Về nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Bà xác định không có nên không yêu cầu gì.

❖ Tại bản tự khai ngày 25/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Lương P trình bày:

Về việc ông V có đơn xin ly hôn bà G thì cả gia đình không đồng ý với việc này, anh có quan điểm: nếu ông V quyết tâm bỏ mẹ anh mà sự việc phải ly hôn không thể khác được thì anh cũng phải tôn trọng, chấp nhận phán quyết của Toà án.

Về tài sản chung, đất ở: Anh P trình bày bố mẹ anh có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã P.L, diện tích mảnh đất là 109m^2 và một căn nhà 2 tầng được xây, hoàn thiện năm 2013 có diện tích 60m^2/sàn. Nếu bố mẹ anh ly hôn thì anh mong muốn được nhận mảnh đất và phần chi phí (bằng tiền

mặt) những gì anh tạo lập, đóng góp vào ngôi nhà để vợ chồng anh có nơi sinh sống, tiếp tục lao động, sản xuất.

Bà G và anh P có ý kiến và lời khai nhưng không thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định nên Toà án không có đủ cơ sở giải quyết các yêu cầu của bà G và anh P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn V, xử cho ông được ly hôn bà Lương Thị G.

- Về con chung: ông V và bà G có một con chung là Nguyễn Lương P, sinh ngày 11/7/1984, ông V có hai con riêng là Nguyễn Huy M, sinh năm 1969 và Nguyễn Toàn T, sinh năm 1973. Anh P, anh M và anh T đều đã trưởng thành, lập gia đình, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, đất ở: ông V, bà G và anh P đều xác định ông V và bà G có tài sản chung. Tuy nhiên, ông V không có yêu cầu, bà G và anh P có yêu cầu nhưng không có đơn yêu cầu chia tài sản chung, không nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan nên không đặt ra giải quyết.

- Đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung, công sức đóng góp: Không bên nào yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: ông V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là bà Lương Thị G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Lương P đã được Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các thủ tục tố tụng khác, tuy nhiên, bà G và anh

P chỉ đến Toà án làm việc được một, hai lần sau đó thì không có mặt tại các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không đến Toà án tham gia phiên toà xét xử ngày 03/7/2018. Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn đã tiến hành phiên họp, phiên hoà giải và tống đạt, niêm yết kết quả phiên họp, phiên hoà giải cho bà G, anh P được biết; hoãn phiên toà xét xử ngày 03/7/2018 theo quy định pháp luật và ấn định lịch xét xử mới vào ngày 24/7/2018. Tại phiên toà hôm nay, bà G và anh P vẫn vắng mặt, HĐXX xét thấy việc tiến hành xét xử vắng mặt bà G và anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn Vy và bà Lương Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P.L, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội ngày 01/7/1980. Theo Giấy công nhận kết hôn số 88/1980 ngày 01/7/1980 thì phần họ và tên người chồng có ghi là "Nguyễn V1". Qua xác minh tại UBND xã P.L thì "Nguyễn V1" và "Nguyễn V" là một người. Nên HĐXX xác định ông Nguyễn V và bà Lương Thị G có đăng ký kết hôn và đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn V, Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của ông và bà G cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh P một thời gian dài. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2012 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc ông V tham gia vào câu lạc bộ thơ nên hay đi giao lưu bên ngoài. Bà G thì nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Hai bên không tìm được tiếng nói chung, không cảm thông và hiểu cho nhau nên quan hệ vợ chồng căng thẳng, ông bà vẫn sống cùng nhà nhưng bà G, anh P và vợ anh P ăn ở riêng biệt với ông V. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã động viên, phân tích nhưng ông V cương quyết ly hôn.

Bà G, anh P đều xác nhận ông V và bà G có mâu thuẫn nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông V. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng bà G không có mặt, cũng không có bất cứ động thái nào cho thấy bà mong muốn hay tích cực trong việc giải quyết mâu thuẫn với ông V. Nên Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh P. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: ông bà xác nhận có một con chung là Nguyễn Lương P, sinh ngày 11/7/1984. Anh P đã trưởng thành, lập gia đình, tuy vẫn sống cùng

ông V, bà G nhưng có công việc ổn định, tự lo được cuộc sống cho mình. Ông V, bà G cũng không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, ông V còn có hai con riêng là Nguyễn Huy M sinh năm 1969 và Nguyễn Toàn T, sinh năm 1973 đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng, các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất ở: ông V, bà G và anh P đều xác nhận ông V và bà G có tài sản chung, đất ở. Ông V không có yêu cầu chia tài sản chung, đất ở. Bà G và anh P có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đất ở tại các bản tự khai. Toà án đã hướng dẫn bà G và anh P làm đơn đề nghị để có căn cứ ra thông báo yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản, đất ở và giải quyết theo quy định pháp luật, tuy nhiên, cả hai đương sự đều không thực hiện. Như vậy, do nguyên đơn không có yêu cầu; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ tố tụng nên HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung, công sức đóng góp: Không có đương sự nào yêu cầu nên nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: ông V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 146, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Ông Nguyễn V được ly hôn bà Lương Thị G.

2. Về con chung: xác nhận ông bà có một con chung:

- Nguyễn Lương P, sinh ngày 11/7/1984

Anh P đã trưởng thành, lập gia đình, tuy vẫn sống cùng ông V, bà G nhưng có công việc ổn định, tự lo được cuộc sống cho mình. Ông V, bà G cũng không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, đất ở: Ông V không có yêu cầu; bà G và anh P có yêu cầu nhưng không thực hiện nghĩa vụ tố tụng nên không có cơ sở giải quyết. Sau

này, các bên đương sự có yêu cầu chia tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Nợ chung, đất ở, đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: ông V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn – BL số: AC/2015/0000763 ngày 11/12/2017.

Ông V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà G và anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn;*
- *Uỷ ban nhân dân xã P.L;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Khắc Hải